

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 11/2001/TT-BTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001 – 2005

Căn cứ Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hoá với nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001 - 2005;

Sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Công nghiệp, Bộ Xây dựng, Tổng cục Hải quan và một số Bộ, ngành hữu quan,

Bộ Thương mại hướng dẫn cụ thể một số điểm để thực hiện Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ như sau:

1. Hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu:

Hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu thực hiện theo danh mục tại Phụ lục số 01A, 01B kèm theo Thông tư này.

2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại:

2.1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại thực hiện theo danh mục tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này.

2.2. Đối với hàng hoá nêu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên hợp doanh trong hợp đồng hợp tác kinh doanh được nhập khẩu để phục vụ cho xây dựng cơ bản hình thành tài sản cố định theo kế hoạch nhập khẩu được Bộ Thương mại phê duyệt.

Hồ sơ đề nghị nhập khẩu gửi đến Bộ Thương mại thực hiện theo quy định tại mục 2, phần II Thông tư số 22/2000/TT-BTM ngày 15/12/2000 của Bộ Thương mại "Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam về xuất nhập khẩu và các hoạt động thương mại khác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài". Thời hạn Bộ Thương mại duyệt kế hoạch nhập khẩu theo quy định tại điểm 2.3, mục 2, phần IX Thông tư 22/2000/TT-BTM dẫn trên.

2.3. Đối với hàng hoá là vật tư, nguyên liệu nêu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên hợp doanh trong hợp đồng hợp tác kinh doanh có nhu cầu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu hoặc để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài gửi văn bản đề nghị đến Bộ Thương mại để được xem xét giải quyết.

Văn bản đề nghị của doanh nghiệp nêu rõ tên địa chỉ khách hàng nhập khẩu hoặc đặt gia công, số lượng sản phẩm xuất khẩu, định mức vật tư, nguyên liệu cho một đơn vị sản phẩm, lượng vật tư, nguyên liệu cần nhập khẩu. Giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm về việc xác định định mức vật tư, nguyên liệu cho sản xuất.

Trong thời hạn 5 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đề nghị, Bộ Thương mại có trách nhiệm trả lời doanh nghiệp.

3. Xuất khẩu, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ:

3.1. Trừ các mặt hàng cấm xuất khẩu nêu tại Phụ lục số 01A kèm theo Thông tư này, các loại gỗ và sản phẩm gỗ đều được phép xuất khẩu và làm thủ tục tại Hải quan cửa khẩu, không phải xin giấy phép của Bộ Thương mại.

3.2. Gỗ nguyên liệu (gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ thanh) được nhập khẩu không phải xin giấy phép của Bộ Thương mại, chỉ cần làm thủ tục tại Hải quan cửa khẩu. Riêng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia (kể cả việc tạm nhập để tái xuất) thực hiện theo Thông tư số 08/2000/TT-BTM ngày 12/4/2000 của Bộ Thương mại.

3.3. Gỗ có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp được xuất khẩu dưới tất cả các dạng, không phải xin giấy phép của Bộ Thương mại.